

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2018.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Liên là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N,** tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018, bản tự khai ngày 26/4/2018 và tại phiên tòa, bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2009 ngày 13/10/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà C đã dọn ra khỏi nhà, về sống tạm trú tại ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 25/7/2012. Sau khi ly hôn, bà C có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2018, ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2009 là đúng.

Thời gian đầu sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Ông và bà C đã ly thân được hơn 01 năm, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nay, bà C khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Ông T và bà C có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 25/7/2012. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn đề ngày 26/4/2018 xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C, xử cho bà C được ly hôn với ông T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử giao con chung là cháu A cho bà C nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C khởi kiện ly hôn ông T, ông T hiện đang sinh sống tại ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 26/4/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị C có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2009 ngày 13/10/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà C khởi kiện ly hôn ông T.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2018, ông T đồng ý ly hôn với bà C và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Bà C và ông T đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có thời gian ly thân dài, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Tình cảm vợ chồng không còn. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, cho bà C được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 89, 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

- Về con chung: Tại bản tự khai, ông T đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Lan A cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T giao con chung cho bà C nuôi dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên ghi nhận. Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264; 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 89, 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “ Tranh chấp ly hôn”.

Xử cho bà Lê Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 25/7/2012 cho bà Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 003581 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai). Bà C đã nộp xong án phí.

Bà Lê Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V.
- Lưu hồ sơ, văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang